

PHỤ LỤC I
DANH MỤC PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HOÁ
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản, Quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
PHẦN I		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
I		Lĩnh vực Tài nguyên nước			
1	1	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5000 m ³ /ngày đêm	Khoản 1, Điều 17, Điều 22 Nghị định 54/2024/NĐ-CP; Mẫu 01, Mẫu 35 Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP.	- Cắt giảm thành phần hồ sơ - Giảm thời gian giải quyết TTHC
2	2	1.013799	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước	Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quy định cụ thể thành phần hồ sơ tổ chức, cá nhân phải nộp
3	3	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Điều 22 Nghị định 54/2024/NĐ-CP. Mẫu 03, Mẫu 38 và mẫu 40, Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP.	- Cắt giảm thành phần hồ sơ - Giảm thời gian giải quyết TTHC
4	4	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Khoản 2, Điều 23 Nghị định 54/2024/NĐ-CP. Mẫu 04, 41 Phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP.	- Cắt giảm thành phần hồ sơ - Giảm thời gian giải quyết TTHC
5	5	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Khoản 2 Điều 19 Nghị định 54/2024/NĐ-CP. Mẫu số 06, mẫu số 08 phụ lục kèm theo Nghị định 54/2024/NĐ-CP.	- Cắt giảm thành phần hồ sơ - Giảm thời gian giải quyết TTHC
II		Lĩnh vực Thủy lợi			

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản, Quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
6	1	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	- Điểm a, khoản 2 điều 21 Nghị định 67/2018/NĐ-CP; - Quyết định số 2305/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Cắt giảm thành phần hồ sơ - Ủy quyền cấp phép từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; cắt giảm quy trình giải quyết TTHC - Giảm thời gian giải quyết TTHC.
7	2	1.003203	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Quyết định số 2305/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Ủy quyền cấp phép từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Cắt giảm quy trình giải quyết TTHC
8	3	1.003188	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	- Nghị định 136/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2305/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Giảm thời gian giải quyết TTHC - Ủy quyền cấp phép từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.
9	4	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	- Điểm b, khoản 4, điều 7, Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Giảm thời gian giải quyết TTHC - Ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt
10	5	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	- Điểm b, khoản 6, điều 12, Nghị định 114/2018/NĐ-CP; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Giảm thời gian giải quyết TTHC - Phân cấp thẩm quyền phê duyệt cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản, Quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
11	6	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	- Điểm b, khoản 4, điều 19, Nghị định 114/2018/NĐ-CP; - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Giảm thời gian giải quyết TTHC - Phân cấp thẩm quyền phê duyệt cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.
III		Lĩnh vực Chăn nuôi			
12	1	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	- Điều 55 Luật Chăn nuôi năm 2018 và Khoản 1, 2, 3 Điều 23 Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Quyết định số 705/QĐ-BNNMT ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy chứng nhận. - Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính
13	2	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	- Điều 39 Luật Chăn nuôi năm 2018; - Khoản 1, 2, 3 Điều 10 Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Quyết định số 705/QĐ-BNNMT ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy chứng nhận. - Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính
IV		Lĩnh vực Thú y			
14	1	1.004756	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	- Khoản 2 Điều 109 Luật Thú y, - Phụ lục III kèm theo Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cắt giảm thành phần hồ sơ

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản, Quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
15	2	1.004734	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều luật Thú y; Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cắt giảm thành phần hồ sơ
16	3	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	- Điểm d khoản 2 Điều 109 Luật Thú y - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều luật Thú y; Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cắt giảm thành phần hồ sơ
V		Lĩnh vực Thủy sản			
17	1	1.004678	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)	Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bãi bỏ thủ tục hành chính
18	2	1.004669	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Mã thủ tục	Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bãi bỏ thủ tục hành chính

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản, Quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
VI		Lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm			
19	1	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Ủy quyền cấp phép, phê duyệt từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính
20	2	1.007916	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế trường hợp địa phương bố trí được quỹ đất trồng rừng thay thế	Khoản 4 Điều 22 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Ủy quyền cấp phép, phê duyệt từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính
21	3	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh. Mã thủ tục hành chính	Điểm c, d, e khoản 2 Điều 79; điểm c khoản 2 Điều 80; điểm b khoản 2 Điều 83; Điều 84; Điều 85; khoản 2 Điều 86 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ	- Cắt giảm thành phần hồ sơ - Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận và trả kết quả trực tuyến
VII		Lĩnh vực Bảo tồn và đa dạng sinh học			
22	1	1.004160	Đăng ký tiếp cận nguồn gen	Điều 9 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP; Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bãi bỏ thủ tục hành chính
23	2	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.	Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP; khoản 3 Điều 13 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cắt giảm thành phần hồ sơ; Cắt giảm thời gian xử lý

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản, Quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
VIII		Lĩnh vực Trồng trọt			
24	1	1.004363	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Khoản 2 Điều 35 Thông tư số 21/2015/TT- BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý thuốc bảo vệ thực vật.	Cắt giảm thành phần hồ sơ;
25	2	1.004346	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Khoản 2 Điều 35 Thông tư số 21/2015/TT- BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý thuốc bảo vệ thực vật.	Cắt giảm thành phần hồ sơ;
26	3	1.012002	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Khoản 2 Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ	Cắt giảm thành phần hồ sơ;
IX		Lĩnh vực Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn			
27	1	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ - Quyết định công bố TTHC 2216/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Cắt giảm thời gian xử lý - Bổ sung hình thức tiếp nhận và trả kết quả qua môi trường điện tử.
28	2	1.003712	Công nhận nghề truyền thống	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn.	- Cắt giảm thời gian xử lý - Bổ sung hình thức tiếp nhận và trả kết quả qua môi trường điện tử.
29	3	1.003695	Công nhận làng nghề	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn - Quyết định công bố TTHC 2216/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Cắt giảm thời gian xử lý - Bổ sung hình thức tiếp nhận và trả kết quả qua môi trường điện tử.
X		Lĩnh vực nông nghiệp			
30	1	1.003618	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cắt giảm thời gian xử lý

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản, Quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
XI		Lĩnh vực Đất đai			
31	1	1.013988	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận	Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bãi bỏ thủ tục hành chính
32	2	1.012789	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cắt giảm thành phần hồ sơ
33	3	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cắt giảm thành phần hồ sơ
XII		Lĩnh vực Môi trường			
34	1	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP),	Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bãi bỏ thủ tục hành chính
Phần II		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI			
A		CẤP TỈNH			
1	1	Trình tự, thủ tục xây dựng bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất hằng năm để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo		Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ
2	2	Trình tự điều chỉnh bảng giá đất đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 257 Luật Đất đai		Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản, Quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
3	3		Trình tự định giá đất cụ thể đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ
4	4		Trình tự thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh/điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ
B		CẤP XÃ			
5	1		Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp xã/điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ
6	2		Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp xã, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp xã	Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ
7	3		Trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ
8	4		Trình tự định giá đất cụ thể đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.	Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ